

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2019/QĐ-UBND

*Thái Nguyên, ngày 01 tháng 11 năm 2019*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

*Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;*

*Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 368/HĐND-VP ngày 18 tháng 10 năm 2019 về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên;;*

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4240/TTr-STC ngày 25 tháng 10 năm 2019; Báo cáo số 191/BC-STP ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Giám đốc Sở Tư pháp,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối với diện tích công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

**Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng**

1. Định mức sử dụng diện tích tối đa chuyên dùng của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên:

TT	Loại diện tích chuyên dùng	Diện tích tối đa (m <sup>2</sup> )		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính			
1.1	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh</i>	1.200		
1.2	<i>Các cơ quan, tổ chức khác</i>	60	200	100
2	Diện tích sử dụng để tiếp dân			
2.1	<i>Trụ sở Ban tiếp công dân của tỉnh</i>	400		
2.2	<i>Các cơ quan, tổ chức khác</i>	60	100	60
3	Diện tích sử dụng để quản trị hệ thống công nghệ thông tin	40	40	20
4	Kho chuyên ngành	400	500	150
5	Diện tích Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên): Quy mô hội trường được xác định theo tính toán và yêu cầu sử dụng nhưng không quá 200 chỗ ngồi đối với cấp tỉnh, 500 chỗ ngồi đối với cấp huyện và 350 chỗ ngồi đối với cấp xã. Diện tích cụ thể được xác định theo Tiêu chuẩn quốc gia			

2. Định mức sử dụng diện tích tối đa chuyên dùng của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên:

TT	Loại diện tích chuyên dùng	Diện tích tối đa (m <sup>2</sup> )
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	40
2	Diện tích sử dụng để tiếp dân	35

3	Diện tích sử dụng để quản trị hệ thống công nghệ thông tin	30
4	Kho chuyên ngành	200
5	Diện tích Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên): Quy mô hội trường được xác định theo tính toán và yêu cầu sử dụng nhưng không quá 200 chỗ ngồi. Diện tích cụ thể được xác định theo Tiêu chuẩn quốc gia	

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì không xác định lại diện tích chuyên dùng theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2019.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng được phê duyệt tại Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, lập kế hoạch khi được giao đầu tư xây dựng, thuê trụ sở làm việc; thực hiện quản lý, sử dụng diện tích chuyên dùng theo đúng quy định.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoạt phát sinh nhu cầu sử dụng diện tích chuyên dùng chưa được quy định tại Quyết định này; các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Vũ Hồng Bắc**